

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2025/DS - ST**
Ngày: 27/6/2025
V/v tranh chấp: *Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Thành**.

2/ Bà **Võ Thị Bích Huyền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về **“tranh chấp hợp đồng tín dụng”**. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **198/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025**. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngân hàng TMCP Á (A)**

Địa chỉ: D, N, Phường E, Quận C, TP ..

Đại diện pháp luật: Ông **Từ Tiên P** – Tổng giám đốc (BL 54)

Đại diện ủy quyền: Ông **Phạm Minh T** (Giấy ủy quyền số 74/UQ-QLN.25 ngày 09/01/2025 – BL 59) (Có mặt)

Địa chỉ nơi nhận thông báo, giấy tổng đạt và các quyết định của Tòa án: (lầu H) Tòa nhà A, D, Cách mạng tháng tám, phường A, Quận C, TP Hồ Chí Minh. SĐT 0909 231 084

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Huỳnh Anh K**, sinh năm 1990

Địa chỉ: D, N, khu vực Y, phường L, quận C, TP .. SĐT 0939 761 516; 0773 671 161 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2025 và Bản tự khai ngày 14/5/2025 **đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á** trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Á và ông Nguyễn Huỳnh Anh K cùng thoả thuận ký các hợp đồng tín dụng, đề nghị cấp thẻ tín dụng cụ thể như sau:

- Ngày 25/03/2022 Ngân hàng thương mại cổ phần Á và ông Nguyễn Huỳnh Anh K cùng ký Hợp đồng cấp tín dụng số CTH.CN.488.250322. Theo nội dung của hợp đồng, ngân hàng đồng ý cho ông K vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 60 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng không có TSBD – Mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình – Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; Lãi suất tính theo dư nợ vay ban đầu 10%/năm (LS1), Lãi suất tính theo dư nợ vay thực tế 19,67%/năm (LS2); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (LS2); Lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Cùng ngày, Ngân hàng thương mại cổ phần Á đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông K. (BL 46-50)

- Ngày 27/9/2018, ông K đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A). Theo nội dung của Giấy đề nghị, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông K: Số thẻ: 3567950000050901; Ngày cấp 28/9/2018; Loại thẻ: JCB GOLD; Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 9/2021; Lãi suất, phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. (BL 34-40)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Huỳnh Anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Căn cứ theo các thoả thuận mà các bên đã ký kết, vào ngày 20/5/2024 ngân hàng đã chuyển khoản thẻ tín dụng số 3567950000050901 sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ chưa thanh toán; Đến ngày 05/11/2024 ngân hàng ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng vừa nêu.

Đối với Hợp đồng cấp tín dụng số CTH.CN.488.250322, ngày 10/12/2024 Ngân hàng R thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay.

Tạm tính đến ngày 14/5/2025, ông Nguyễn Huỳnh Anh K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Á các khoản như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số CTH.CN.488.250322 ngày 25/03/2022, ông K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Á tổng số tiền **13.214.496 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 11.698.437 đồng; Lãi trong hạn: 13.889 đồng; Lãi quá hạn: 1.487.063 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.107 đồng).

- Đối với thẻ tín dụng số 3567950000050901, ông K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Á tổng số tiền **29.707.936** (trong đó: Nợ gốc: 21.948.735 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 7.759.201 đồng; Lãi phạt chậm trả: 0 đồng).

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng nợ của 02 hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 14/5/2025 là **42.922.432 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 33.647.172 đồng; Lãi trong hạn: 13.889 đồng; Lãi quá hạn: 9.246.264 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.107 đồng). Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày 15/5/2025 đến khi ông K hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Huỳnh Anh K thừa nhận có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/9/2018 và đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Á cấp thẻ tín dụng số 356795000005090102; có ký Hợp đồng cấp tín dụng số CTH.CN.488.250322 ngày

25/03/2022 và được vay 50.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vi phạm thỏa thuận và đồng ý thanh toán tổng 02 khoản nợ nêu trên là **42.922.432 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 33.647.172 đồng; Lãi trong hạn: 13.889 đồng; Lãi quá hạn: 9.246.264 đồng; Lãi phạt chậm trả: 15.107 đồng) tính đến ngày 14/5/2025. Bị đơn cũng chấp nhận trả lãi chậm trả kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tòa án đã lập Biên bản hòa giải thành ngày 14/5/2025 (BL 95) nhưng đến ngày 21/5/2025 thì phía nguyên đơn rút lại thỏa thuận (BL 96-99). Nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo qui định.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ của 02 hợp đồng tín dụng trên là **44.299.199 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 33.647.172 đồng; Lãi trong hạn: 13.889 đồng; Lãi quá hạn: 10.616.065 đồng; Lãi phạt chậm trả: 22.072 đồng) tính đến ngày 27/6/2025. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi ông K hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Huỳnh Anh K tiếp tục vắng mặt không lý do.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay tiền giữa các đương sự được thỏa thuận và giao kết bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/9/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng số CTH.CN.488.250322 ngày 25/03/2022, mục đích vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Trong đó bên vay có nghĩa vụ trả cho bên cho vay vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do bên vay không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng được ngành luật dân sự điều chỉnh (do bên vay không có mục đích kinh doanh) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Huỳnh Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Đối với khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Nguyễn Huỳnh Anh K do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của cả hai (BL 34-40), theo đó ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 3567950000050901 ngày 28/9/2018 cho ông K, Loại thẻ: JCB GOLD; Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng;

Nguyên đơn trình bày ông K còn nợ tổng số tiền **30.661.581 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 21.948.735 đồng; Lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi quá hạn: 8.712.846 đồng; Lãi

phạt chậm trả: 0 đồng). Nội dung này bị đơn đã thừa nhận và đồng ý thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn tại Biên bản Hòa giải thành ngày 14/5/2025 (BL 95) nên không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số CTH.CN.488.250322 ngày 25/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Nguyễn Huỳnh Anh K do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của cả hai (BL 46-50), theo đó ngân hàng đồng ý cho ông K vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 60 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng không có TSBĐ – Mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình – Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; Lãi suất tính theo dư nợ vay ban đầu 10%/năm (LS1), Lãi suất tính theo dư nợ vay thực tế 19,67%/năm (LS2); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (LS2); Lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. Nguyên đơn trình bày ông K còn nợ tổng số tiền **13.637.618 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 11.698.437 đồng; Lãi trong hạn: 13.889 đồng; Lãi quá hạn: 1.903.219 đồng; Lãi phạt chậm trả: 22.072 đồng).

Nội dung này bị đơn đã thừa nhận và đồng ý thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn tại Biên bản Hòa giải thành ngày 14/5/2025 (BL 95) nên không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi như trên là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 5%(30.661.581 đồng + 13.637.618 đồng) = **2.215.000 đồng** (Hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định.

[8] Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 180, **227, 228**, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á .

- Buộc bị đơn **Nguyễn Huỳnh Anh K** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền **30.661.581 đồng** (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm tám mươi một đồng), trong đó N gốc 21.948.735 đồng (Hai mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) và Nợ lãi 8.712.846 đồng

(Tám triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng) khi án có hiệu lực **và lãi phát sinh từ ngày 28/6/2025 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 27/9/2018 cho đến khi trả dứt nợ.**

- Buộc bị đơn **Nguyễn Huỳnh Anh K** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Á** số tiền là **13.637.618 đồng** (Mười ba triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm mười tám đồng), trong đó N gốc: 11.698.437 đồng (Mười một triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng); Lãi trong hạn 13.889 đồng (Mười ba nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng); Lãi quá hạn 1.903.219 đồng (Một triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, hai trăm mười chín đồng); Lãi phạt chậm trả 22.072 đồng (Hai mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng) khi án có hiệu lực **và lãi phát sinh từ ngày 28/6/2025 theo Hợp đồng tín dụng số CTH.CN.488.250322 ngày 25/03/2022 cho đến khi trả dứt nợ.**

2/ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **1.231.200 đồng** (Một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, hai trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004180 ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Anh K phải chịu **2.215.000 đồng** (Hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với Ngân hàng TMCP Á; kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú đối với ông Nguyễn Huỳnh Anh K thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA Thái Mỹ Nhung

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Mỹ Nhung

